

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán Giải tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Mai Viết Thuận

2. Ngày tháng năm sinh: 08/01/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 30, Tổ

4, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Khoa Toán - Tin, trường Đại học Khoa học,

Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: 0396661128; Điện thoại di động: 0396661128;

E-mail: thuanmv@tnus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Toán - Tin, trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083904315

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): trường

Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 11 tháng 7 năm 2007, số văn bằng: 0002990, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 5 tháng 5 năm 2010, số văn bằng: 01745, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam
- Được cấp bằng TS [5] ngày 23 tháng 4 năm 2015, số văn bằng: 004688, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu tính ổn định theo nghĩa Lyapunov, tính thụ động và một số bài toán điều khiển liên quan cho một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ.
- Nghiên cứu tính ổn định, tính bị chặn trong thời gian hữu hạn của một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ.
- Nghiên cứu bài toán tìm bao của tập đạt được cho một số lớp hệ phương trình vi phân có trễ.
- Bài toán thiết kế quan sát trạng thái cho một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 24 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Đạt giải Nhì Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam năm 2014”	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014

4	2018-2019			2	1		315	330/553,20/229,50
5	2019-2020			2			315	315/537,30/229,50
6	2020-2021			1			360	270/459,30/229,50

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Đọc hiểu được bài báo và các tài liệu chuyên môn; viết được các bài báo chuyên môn bằng tiếng Anh

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC 500

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Văn Hiền		X	X		11/2018 đến 06/2019	trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	18/7/2019
2	Lê Thị Nhung		X	X		11/2018 đến 06/2019	trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	18/7/2019
3	Đỗ Thị Phương		X	X		12/2019 đến 07/2020	trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	29/9/2020
4	Đỗ Thị Quỳnh Ngọc		X	X		12/2019 đến 07/2020	trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	29/9/2020

5	Nguyễn Phương Hậu		X	X		06/2020 đến 01/2021	trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	03/02/2021
---	-------------------	--	---	---	--	---------------------	--	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình Giải tích I	GT	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2020	6	VC	(Chương 1 (từ trang 7 đến trang 20))	Xác nhận của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên ký ngày 29/6/2021

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Tính ổn định một số lớp phương trình vi phân hàm và ứng dụng trong lý thuyết điều khiển	CN	ĐH2011-07-06, cấp Cơ sở	1/1/2011 đến 31/12/2012	(05/01/2013)/xuất sắc	
2	Một số bài toán chọn lọc trong lý thuyết ổn định và lý thuyết điều khiển	CN	ĐH2013TN06-06, cấp Cơ sở	01/01/2013 đến 31/12/2014	(20/6/2015)/ xuất sắc	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
3	Một số vấn đề chọn lọc về hệ phương trình vi phân và điều khiển có trễ	CN	B2017-TNA-54, cấp Bộ	01/01/2017 đến 31/12/2018	(03/3/2019)/Xuất sắc	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Novel optimal guaranteed cost control of non-linear systems with mixed multiple time-varying delays	2	Có	IMA Journal of Mathematical Control and Information	có - SCIE <i>IF: 1.034</i>	4	28, 4, 475-486	12/2011
2	New criteria for stability and stabilization of neural networks with mixed interval time-varying delays	2	Có	Vietnam Journal of Mathematics		6	40, 1, 79-93	01/2012

3	Observer-based controller design of time-delay systems with an interval time-varying delay	3	Có	International Journal of Applied Mathematics and Computer Science	- SCIE IF: 0.967	21	22, 4, 921-927	12/2012
4	Optimal guaranteed cost control of linear systems with mixed interval time-varying delayed state and control	2	Có	Journal of Optimization Theory and Applications	Có - SCI IF: 1.388	10	152, 2, 394-412	03/2012
5	Dynamic output feedback guaranteed cost control for linear systems with interval time-varying delays in states and outputs	3	Có	Applied Mathematics and Computation	Có - SCIE IF: 3.472	20	218, 21, 10697-10707	07/2012

6	Exponential stabilization of time-varying delay systems with non-linear perturbations	4	Có	IMA Journal of Mathematical Control and Information	Có - SCIE <i>IF: 1.034</i>	5	31, 4, 441-464	12/2014
7	Exponential stabilization of non-autonomous delayed neural networks via Riccati equations	3	Có	Applied Mathematics and Computation	Có - SCIE <i>IF: 3.472</i>	5	246 533-545	11/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	New inequality-based approach to passivity analysis of neural networks with interval time-varying delay	3	Có	Neurocomputing	Có - SCIE <i>IF: 4.438</i>	40	194 301-307	06/2016
9	Reachable sets bounding for switched systems with time-varying delay and bounded disturbances	3	Có	International Journal of Systems Science	Có - SCIE <i>IF: 2.149</i>	20	48, 3, 494-504	05/2017

10	New results on reachable sets bounding for switched neural networks systems with discrete, distributed delays and bounded disturbances	3	Có	Neural Processing Letters	Có - SCIE <i>IF: 2.891</i>	5	46, 1, 355–378	03/2017
11	State transformations of time-varying delay systems and their applications to state observer design	2	Không	Discrete and Continuous Dynamical Systems - Series S	Có - SCIE <i>IF: 1.233</i>	3	10, 3, 413-444	06/2017
12	Reachable sets bounding for generalized neural networks with interval time-varying delay and bounded disturbances	3	Có	Neural Computing and Applications	Có - SCIE <i>IF: 4.774</i>	10	29, 10, 783–794	05/2018

13	New results on exponential stability and passivity analysis of delayed switched systems with nonlinear perturbations	2	Có	Circuits, Systems, and Signal Processing	Có - SCIE <i>IF: 1.681</i>	12	37, 2, 569-592	03/2018
14	New results on stabilization of fractional-order nonlinear systems via an LMI approach	2	Có	Asian Journal of Control	Có - SCIE <i>IF: 2.779</i>	12	20, 4, 1541-1550	07/2018
15	Design of unknown input reduced-order observers for a class of nonlinear fractional-order time-delay systems	2	Có	International Journal of Adaptive Control and Signal Processing	Có - SCIE <i>IF: 2.116</i>	13	32, 3, 412-423	03/2018

16	Robust finite-time guaranteed cost control for positive systems with multiple time delays	1	Có	Journal of Systems Science and Complexity	Có - SCIE <i>IF: 0.926</i>	5	32, 2, 496-509	03/2019
17	New results on robust finite-time passivity for fractional-order neural networks with uncertainties	3	Có	Neural Processing Letters	Có - SCIE <i>IF: 2.891</i>	12	50, 2, 1065–1078	10/2019
18	New Criteria for Guaranteed Cost Control of Nonlinear Fractional-Order Delay Systems: a Razumikhin Approach	3	Không	Vietnam Journal of Mathematics	- ESCI	2	47, 2, 403-415	06/2019
19	Finite-time guaranteed cost control of Caputo fractional-order neural networks	3	Có	Asian Journal of Control	Có - SCIE <i>IF: 2.779</i>	5	22, 2, 696-705	03/2020

20	Mixed H_{∞} and passive control for fractional-order nonlinear systems via LMI approach	2	Có	Acta Applicandae Mathematicae	Có - SCI IF: 0.974	1	170, 1, 37-52	03/2020
21	A new design method for observer-based control of nonlinear fractional-order systems with time-variable delay	3	Không	European Journal of Control	Có - SCIE IF: 1.54	3	56 124- 131	11/2020
22	New results on stability and stabilization of delayed Caputo fractional order systems with convex polytopic uncertainties	3	Có	Journal of Systems Science and Complexity	Có - SCIE IF: 0.926	1	33, 3, 563- 583	06/2020

23	New results on reachable sets bounding for delayed positive singular systems with bounded disturbances	3	Có	Journal of the Franklin Institute	Có - SCIE <i>IF: 4.036</i>		358, 1, 1044-1069	01/2021
24	Finite-time control analysis of nonlinear fractional-order systems subject to disturbances	3	Có	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society	Có - SCIE <i>IF: 0.856</i>		44, 3, 1425–1441	05/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 14 ([8] [9] [10] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [19] [20] [22] [23] [24])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Không có

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

thành phố Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm
2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)